

GIÁ TRỊ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC THÁI Ở TÂY BẮC PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

ĐẶNG THỊ NHUẬN^{*}, DƯƠNG QUỲNH PHƯƠNG^{**}, PHẠM THANH TÂM^{***}

TÓM TẮT

Du lịch cộng đồng là một trong những loại hình du lịch phát triển khá nhanh trong những năm gần đây. Ở Việt Nam, loại hình du lịch này đã xuất hiện và mang lại hiệu quả kinh tế cao ở một số vùng miền, trong đó có Tây Bắc. Là vùng đất nằm ở phía Tây của Tổ quốc, nơi cư trú của nhiều đồng bào dân tộc ít người với bản sắc văn hóa truyền thống đa dạng, đặc biệt là dân tộc Thái, nên Tây Bắc có nhiều ưu thế cho việc phát triển du lịch cộng đồng. Hơn nữa, vấn đề khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Thái phục vụ cho phát triển loại hình du lịch này đang là hướng đi đúng nhằm phát huy lợi thế của vùng.

Từ khóa: du lịch cộng đồng, giá trị văn hóa, dân tộc Thái.

ABSTRACT

Traditional cultural values of the Thai ethnics in northwest of Vietnam for developing community-based tourism

Community-based tourism is one of the types of tourism that has been developing quickly in recent years. In Vietnam, this type has brought out high economic values in some regions, including the Northwest. Located in the west of the country, a place inhabited by ethnics with a variety of traditional cultural values, especially the Thai ethnics, the Northwest possesses many advantages for developing community-based tourism. Moreover, effectively exploiting traditional cultural values of the Thai ethnics for developing this type of tourism is a right trend to exploit the advantages of the region.

Keywords: community-based tourism, cultural values, Thai ethnics.

1. Đặt vấn đề

Trong xu thế hội nhập và phát triển, văn hóa truyền thống của các dân tộc đã trở thành yếu tố quan trọng, là điều kiện tiên quyết để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch cộng đồng. Thực tế cho thấy trong những năm gần đây, ở Việt Nam, hình thức du lịch cộng đồng đang được quan tâm, chú trọng phát triển và được

nhìn nhận như là một trong những động lực góp phần phục hồi yếu tố văn hóa dân tộc tại nhiều bản làng cũng như cách giảm nghèo hiệu quả.

Giữa văn hóa truyền thống và phát triển du lịch cộng đồng luôn có mối liên hệ mật thiết, bởi lẽ các di sản văn hóa, giá trị văn hóa chính là nguồn lực cho phát triển du lịch. Văn hóa cung cấp tri

^{*} ThS, Trường Đại học Tây Bắc

^{**} TS, Trường Đại học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên

^{***} HVCH, Trường Đại học Sư phạm, ĐH Thái Nguyên

thức, các phép ứng xử văn minh, lịch sự cho hoạt động du lịch. Nói cách khác, văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực phát triển du lịch. Đồng thời, hoạt động du lịch cũng có tác động trở lại, thúc đẩy giao lưu văn hóa phát triển. Trong mối quan hệ với văn hóa, du lịch là yếu tố quan trọng, đẩy mạnh giao lưu văn hóa giữa các vùng miền trong nước và giữa các quốc gia, dân tộc trên thế giới.

Việc tiếp cận, đánh giá và phân tích những giá trị của văn hóa truyền thống và mối quan hệ với việc phát triển du lịch cộng đồng sẽ là cơ sở quan trọng trong việc triển khai nghiên cứu thực tiễn, trong đó có trường hợp của các bản người dân tộc Thái ở vùng Tây Bắc.

2. Đôi nét về vùng Tây Bắc

Vùng Tây Bắc có diện tích tự nhiên là 37.414,8 km², chiếm 11,33 % diện tích cả nước. Bao gồm 4 tỉnh: Điện Biên, Lai Châu, Sơn La và Hòa Bình. Phía Bắc của vùng giáp với Trung Quốc, phía Tây giáp Lào, phía Đông và Đông Bắc của vùng tiếp giáp các tỉnh Lào Cai, Yên Bái, Phú

Thọ vùng (Đông Bắc) và Hà Nội, Hà Nam, Ninh Bình (vùng Đồng bằng sông Hồng). Phía nam của vùng tiếp giáp với tỉnh Thanh Hóa. Tây Bắc có địa hình núi cao, hiểm trở với dãy Hoàng Liên Sơn chạy dọc theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, cắt xẻ mạnh. [5]

Dân số của vùng là 2.822.700 người, chiếm 3,21% dân số cả nước (năm 2011). Mật độ dân số toàn vùng rất thấp và phân bố dân cư không đồng đều. Nơi tập trung đông nhất là các thành phố, thị xã, thị trấn, các điểm dân cư tập trung (nông, lâm trường), các thị tứ và trên các trục đường giao thông. Trái lại, ở các khu vực núi cao, đường giao thông ít, đi lại khó khăn... thường chỉ có các dân tộc ít người sinh sống, nên mật độ dân cư rất thấp.[5]

Người Thái ở Việt Nam có dân số 1.550.423 người, là dân tộc có số dân đứng thứ 3 tại Việt Nam, có mặt trên tất cả 63 tỉnh, thành phố, trong đó dân tộc Thái cư trú tập trung chủ yếu ở vùng Tây Bắc.[6]

Bảng 1. Dân số dân tộc Thái ở Tây Bắc năm 2009

(Đơn vị: người)

Tỉnh	Số người
Điện Biên	186.270
Lai Châu	119.805
Sơn La	572.441
Hòa Bình	31.386
Tổng số	909.902

Nguồn:[6]

Về tên gọi, người Thái tự gọi mình là Phù Tay hay Cồn Tay, đều có nghĩa là người. Người Thái chia làm các nhóm sau: nhóm Thái Đen (Táy Đăm) cư trú ở khu vực tỉnh Sơn La và Điện Biên; nhóm Thái Trắng (Táy Đón hay Táy Khao) cư trú chủ yếu ở tỉnh Lai Châu, Điện Biên và một số huyện tỉnh Sơn La (Quỳnh Nhai, Bắc Yên, Phù Yên); nhóm Thái Đỏ, gồm nhiều nhóm khác nhau cư trú chủ yếu ở một số huyện như Mộc Châu (Sơn La), Mai Châu (Hòa Bình).

3. Những khía cạnh văn hóa truyền thống của dân tộc Thái ở Tây Bắc có giá trị phát triển du lịch cộng đồng

3.1. Bản làng, nhà ở

Về mặt tổ chức xã hội, người Thái sống định cư, cư trú thành bản ở các thung lũng màu mỡ ven các sông, suối, cánh đồng giữa núi. Họ cư trú trong các nhà sàn thành từng cụm, vài cụm thành một bản có khoảng 40 đến 50 nóc nhà. Mỗi bản của người Thái đều có nhiều gia đình, dòng họ khác nhau, có đất thổ canh, thổ cư, bãi cỏ chăn nuôi. Bản của người Thái thường lui vào chân núi, nơi có độ dốc thoải. Các bản nằm trên đường vành đai các thung lũng, nhiều bản hợp thành mừng. Người Thái quy định các ngôi nhà trong một bản phải được thiết kế sao cho đòn dông của mỗi nhà chạy theo một hướng nhất định, tối kỵ đòn dông nhà này đâm thẳng vào mặt nhà kia. Mọi nhà trong bản đều quay mặt xuống cánh đồng và quay lưng vào núi. Về mặt xã hội, bản là một lãnh thổ của một cộng đồng tộc người, mừng là một lãnh thổ của nhiều cộng đồng tộc người nhưng trong đó người Thái chiếm đa số. Đơn vị hạt nhân

cấu thành nên bản người Thái là gia đình, gia đình người Thái là gia đình nhỏ phụ hệ, chủ yếu là hai thế hệ với chế độ một vợ một chồng. [2]

Nhà ở truyền thống của người Thái ở tất cả các vùng đều là nhà sàn làm bằng gỗ, đẹp và chắc chắn, các ngôi nhà đều dựng theo những quy định chặt chẽ. Nhà sàn của người Thái Đen thường là 3-5 gian, cột chôn, hình khum mai rùa, hai đầu nóc hồi được trang trí *khau cút* - biểu tượng mang ý nghĩa chỉ vai trò, địa vị của các tầng lớp trong xã hội (vùng Tây Bắc), hình voi, hình đầu mèo (vùng Thanh Hóa, Nghệ An). *Khau cút* là hai tấm ván đóng chéo nhau hình chữ X trên đòn nóc, những gia đình quý tộc xưa còn làm thêm bông sen cách điệu ở giao điểm hai tấm ván và tấm hình trăng khuyết hướng vào nhau so le trên *khau cút*. Nơi thờ tổ tiên của người Thái Đen chỉ có chủ nhà và thầy mo mới được phép vào, còn những người khác kể cả con dâu cũng không được đến. [3]

Nhà sàn của người Thái Trắng ở Lai Châu, Sơn La có hai mái phẳng, có góc giao tuyến rõ rệt, có các lan can bằng gỗ ở phía trước hoặc bao quanh nhà. Một điều rất dễ phân biệt nhà sàn của người Thái Trắng là ngoài mái phẳng còn ở hai đầu hồi không có *khau cút*. Khác với người Thái Đen, nơi thờ tổ tiên của người Thái Trắng ai cũng có thể ra vào.

Trong nhà sàn của người Thái, cầu thang dành riêng cho nam giới gọi là *tang quán* ở đầu nhà, thường có 7 bậc ứng với 7 vía. Còn cầu thang ở cuối nhà, bên trái dành cho phụ nữ, gọi là *tang chan*. Ngoài ra còn có *Chan* - là phần sàn nhà được

nổi dài ra ngoài trời, nơi phụ nữ Thái thường múa hát, thêu thùa... Gầm sàn vừa là nơi giã gạo, vừa để nhốt gia súc.

Cách bố trí trên mặt bằng sinh hoạt của nhà người Thái khá độc đáo: các gian đều có tên riêng. Trên mặt sàn được chia thành hai phần: một phần dành làm nơi ngủ cho các thành viên trong gia đình, một nửa dành cho bếp. Mỗi nhà của người Thái thường có 2 bếp.

Có thể thấy, nghệ thuật trang trí hoa văn đến cách bố trí, sắp xếp sinh hoạt của gia đình đều được duy trì theo truyền thống dù đã có ít nhiều thay đổi cho phù hợp với đời sống mới. Du khách đến với vùng Tây Bắc, vào các bản làng, lên các ngôi nhà sàn Thái đều rất thích “Bảo tàng dân tộc học” tự nhiên, sống động của đồng bào.

3.2. *Y phục, trang sức*

Trang phục nữ Thái chia làm 2 loại phân biệt khá rõ theo hai ngành Thái Tây Bắc là Thái Trắng (*Táy khao*) và Thái Đen (*Táy đăm*). [2]

+ Thái Trắng: Thường nhật, phụ nữ mặc áo cánh ngắn (*xửa cóm*), váy màu đen không trang trí hoa văn. Áo thường là màu sáng, trắng, cài cúc bạc tạo hình bướm, ve, ong, cổ áo hình chữ V. Thân áo ngắn hơn áo cánh người Kinh, tạo dáng ôm chặt lấy thân, khi mặc cho vào trong cặp váy. Váy là loại váy kín (ống), màu đen, phía trong gấu đắp vải đỏ. Khi mặc xửa cóm và váy, phụ nữ Thái còn chòang tấm khăn ở ngoài được trang trí nhiều màu. Khăn đội đầu không có hoa văn mà chỉ là băng vải chàm dài trên dưới 2 mét... Trong các dịp lễ tết họ mặc áo dài màu đen. Đây là loại áo đầu thụng

thân thẳng, không lượn nách, được trang trí bằng vải “khít” ở giữa thân có tua vải phủ từ vai xuống ngực, nách áo trang trí theo lối đắp hai mảng hoa văn trong bố cục hình tam giác.

+ Thái Đen: Thường nhật, phụ nữ Thái Đen mặc áo ngắn (xửa cóm) màu tối (chàm hoặc đen), cổ áo khác với của người Thái Trắng là loại cổ tròn, đứng. Đầu đội khăn gọi là “piêu”, thêu nhiều hoa văn, mô-típ trang trí mang phong cách từng vùng. Lối để tóc khi có chồng (búi lên đỉnh đầu) gọi là “tầng cầu”, khi chồng chết có thể búi tóc thấp xuống sau gáy, chưa chồng thì không búi tóc. Trong các dịp lễ tết, áo dài của dân tộc Thái Đen rất đa dạng với các loại xẻ nách, chui đầu, trang trí hoa văn, màu sắc phong phú. Trang sức của phụ nữ gồm: vòng cổ, vòng tay, khuyên tai bằng bạc hay nhôm.

Khác với phụ nữ dân tộc Thái Trắng, phụ nữ dân tộc Thái Đen mang một nét riêng thật hấp dẫn, độc đáo với chiếc khăn Piêu dùng để đội trên đầu. Piêu có nhiều loại khác nhau, có loại được thêu hoa văn bằng chỉ màu sắc sỡ, có loại chỉ là một tấm vải bông nhuộm chàm. Tùy từng vùng, từng địa phương mà Piêu có những sắc thái riêng. Piêu có tác dụng che đầu khi nắng gió, làm ấm đầu khi mùa đông giá lạnh... Piêu còn là vật trang sức quan trọng của các cô gái trong sinh hoạt hằng ngày, nhất là trong lúc đi chơi hay dự lễ hội... Việc học dệt vải và học thêu khăn Piêu là bài học phổ thông, tất yếu của mọi thành viên nữ trong đời sống của cộng đồng dân tộc Thái, bởi vậy Piêu còn là một tiêu chuẩn

xã hội để đánh giá phụ nữ. Qua chiếc Piêu có thể biết được chủ nhân của nó là người tài hoa, siêng năng, chịu khó hay là người lười nhác, vụng về. Khăn Piêu của phụ nữ Thái không chỉ mang giá trị thẩm mỹ mà còn mang tính xã hội, góp phần tạo nên một nét đẹp, một sắc thái riêng, hấp dẫn du khách về trang phục truyền thống của dân tộc Thái.

3.3. Ẩm thực

Với người Thái ở Tây Bắc, có lẽ không có dạng thức văn hóa nào phong phú như ẩm thực. Người Thái là một tộc người rất giỏi trong chế biến thức ăn. Văn hóa ẩm thực của người Thái vùng Tây Bắc không quá cầu kì, kiểu cách nhưng mang đậm bản sắc tộc người, các món ăn luôn để lại ấn tượng khó quên cho du khách.

Trước kia, lương thực chính của người Thái là gạo nếp. Gạo nếp được đồ thành xôi và người Thái chỉ ăn xôi nếp đồ cách thùy. Khẩu cảm hay còn gọi là xôi nếp ngũ sắc, là loại xôi được nhuộm màu bằng lá cây với nhiều màu khác nhau như đỏ, trắng, vàng, tím... Ngoài khẩu cảm, còn có cơm lam (khẩu lam). Cơm lam là loại cơm được làm từ gạo (thường là gạo nếp) cùng một số nguyên liệu khác, cho vào ống tre, giang, nứa... và nướng chín trên lửa. Khi cơm chín, chỉ bỏ lớp cháy đen bên ngoài ống cơm thật khéo léo cho đến khi bao bọc phần ruột cơm chỉ là một lớp lát giang mỏng. Xắt mỗi ống ra thành năm hay bảy khúc. Khi ăn chỉ cần bóc bỏ lớp lát giang bên ngoài. Cơm lam được dọn ra ăn cùng với thịt gà hay thịt lợn rừng nướng (những thứ thịt này cũng được nướng trong ống tre). Tuy nhiên,

cơm lam ngon nhất khi ăn với muối vừng.

Đối với dân tộc Thái, thói quen ăn cơm tẻ chỉ phổ biến từ khoảng sau năm 1960 trở lại đây. Các món ăn của người Thái chủ yếu là: cá nướng, cá đồ, cá vùi tro, cá chua, cá moọc (trộn tằm, gói lá dong rồi đồ chín), cá lạp, gói, thịt nướng, thịt vùi tro, thịt chua, thịt gác bếp hoặc làm gói, lạp sườn...; món mắm chế bằng ruột non động vật, có vị đắng, được pha thêm các loại gia vị nặm pịa rất hợp khẩu vị của họ; các loại rau, măng thường đồ hay luộc, làm nộm... ít khi xào mỡ; các loại tôm, tép, cá nhỏ thì nấu canh, làm chèo để chấm xôi nếp. Đặc biệt có món “Pa pỉnh tộp” (cá úp nướng) là một món ăn mang đậm bản sắc dân tộc của người Thái. Để làm được món “Pa pỉnh tộp”, người ta chọn loại cá chép khoảng 0,5kg trở lên, béo và còn tươi sống. Trước khi mổ phải cạo vảy để gia vị ướp ngấm đều vào cá, không mổ cá đằng bụng mà phải mổ đằng dọc sống lưng để khi gấp úp, con cá mềm mại dễ gấp hơn và để phần gia vị nhồi trong bụng cá khi tiếp xúc với than hồng sẽ tỏa mùi thơm ngấm vào thịt cá.

Trong các dịp lễ tết, cưới xin, vào nhà mới, người Thái thường uống rượu cần. Rượu cần là một thứ rượu trắng cất từ sắn hoặc gạo, được uống trực tiếp qua cần trúc. Rượu cần người Thái làm khá cầu kì, gọi là “láu xá”. Men rượu làm toàn bằng những thứ lá, quả sắn có trong rừng (gọi là men lá) như: “bơ hình ho”, “khi mắc cái”, củ riềng, lá trầu không, quả ớt... Những thứ này được giã cho thật nhuyễn với gạo tằm, sau đó nắm thành

tùng miếng tròn dẹt như bánh rán, đem ủ với rom, xếp từng lớp đều nhau. Với quan niệm con trâu là đầu cơ nghiệp, người Thái dùng sừng trâu để làm vật đo lường khi uống rượu, hàm ý tôn thờ con vật quý trong nhà.

3.4. Văn nghệ

Người Thái có đời sống văn hóa tinh thần phong phú, đa dạng. Về dân ca, có làn điệu *khắp* phổ biến ở hầu hết các địa phương. Khắp là lối ngâm thơ hoặc hát theo lời thơ, có thể đệm đàn và múa. Làn điệu khắp nổi tiếng là khắp “Tiễn dặn người yêu” (sống chụ son sao), tản chụ siết suong; hát đối đáp trai gái (khắp báo sao); hát lên nhà mới (khắp khừn hươ mớ); hát mừng đám cưới (khắp hạp đoong); hát mừng mùa vụ (khắp chôm). Việc khắp đối thể hiện khả năng, hiểu biết, độ nhạy bén và linh hoạt của người trong cuộc. [2]

Về dân vũ của người Thái thì nổi tiếng nhất là múa xòe. Nói tới xòe Thái là phải nói tới các điệu xòe cổ:

+ Điệu “khăm khen” – quanh đống lửa, mọi người nắm tay nhau nhảy múa. Đây là điệu múa mang tính sơ khai, biểu lộ sự gắn kết cộng đồng, mong ước một cuộc sống ấm no, hạnh phúc vẹn tròn.

+ Điệu “khăm khăn mời lẩu” – nâng khăn mời rượu. Đây là điệu múa đầy chất trữ tình và ám áp tình người, thể hiện lòng hiếu khách.

+ Điệu “phá xí” – bỏ bốn, diễn tả tình đoàn kết của cộng đồng, hướng về tổ tiên, quê hương của mỗi thành viên.

+ Điệu “đôi hôn” – múa tiến lùi, như muốn khẳng định dù đất trời có đổi thay, cuộc sống có như thế nào thì tình

người vẫn luôn sắt son bền chặt.

+ Điệu “nhôm khăn” – tung khăn, là điệu xòe tung bùng nhất, hay dùng khi mùa vụ bội thu, đám cưới, lên nhà mới...

Dần dần, từ các điệu xòe cổ, các nghệ nhân dân gian xây dựng được tới 32 điệu xòe mang bóng dáng sinh hoạt thường ngày: “xe cúp” – múa nón, “xe tảng chai” – múa chai, “xe kếp phắc” – hái rau, “xe cấp” – múa sạp... Các điệu xòe nhịp nhàng, sôi động trong tiếng trống, chiêng, khèn, pí, tính tấu, đôi khi có cả các lời hát phụ họa cho thêm phần sinh động. Các điệu xòe vòng sôi nổi bao nhiêu thì các bài xòe điệu lại tinh tế, duyên dáng bấy nhiêu. Triết lí âm – dương, đất – trời, lửa – nước và ý nghĩa nhân sinh cao cả luôn ẩn chứa trong các điệu xòe. Người Thái có câu ca: “Không xòe không tốt lúa/ Không xòe thóc cạn bờ”. Theo truyền thống của dân tộc Thái vào những ngày lễ, tết, ngày vui của dòng họ, gia đình, nhất là nhà đón khách quý... vòng xòe thường được tổ chức như một nghi lễ dân gian để đón mừng, bên ánh lửa bập bùng, tay trong tay tình cảm, thể hiện nét đẹp truyền thống nhân văn sâu sắc. Vòng xòe có thể có số lượng lớn người tham gia, có những vòng đại xòe với số lượng đông tới hàng trăm người và vô cùng sôi động.

Về nhạc có các loại sáo (pí), nhị (xi xo), đàn môi (hưn mư), đặc biệt là khèn bè (khen pe). Ngoài ra, còn có nhạc khua loong (quánh loong), dùng những chiếc chày giã gạo xếp thành đôi diễn tấu thành giai điệu khác nhau.

Hạn khuông là một trong những nét đặc trưng văn hóa nổi tiếng của người

Thái Tây Bắc. Đây là sinh hoạt văn hóa dân gian độc đáo, với hình thức diễn xướng mang tính sân khấu sơ khai mang tính cộng đồng. Người ta dựng cái sàn ở nơi đất trống của bản, hài hòa giữa thiên nhiên và cộng đồng. Hạn khuống thường được tổ chức vào tiết thu đông, công việc đồng áng đã nhàn rỗi.

4. Một số bản du lịch cộng đồng ở Tây Bắc

4.1. Bản Lác (Hòa Bình)

Bản Lác, thuộc huyện Mai Châu, thành phố Hòa Bình, là nơi sinh sống của người dân tộc Thái với 5 dòng họ Hà, Lò, Vi, Mác, Lộc. Theo Trưởng bản Hà Công Tím, bản Lác đã có tuổi đời trên 700 năm. Năm 1993, UBND huyện Mai Châu chính thức đề nghị tỉnh Hòa Bình cho phép khách du lịch nghỉ qua đêm trong bản. Cũng từ đó, cái tên bản Lác đã được nhiều người biết như một “điểm sáng” trên bản đồ du lịch Việt Nam. [9]

Hiện toàn bản có 25 “khách sạn” là nhà sàn được xây cất theo quy hoạch, mỗi “khách sạn” đều được đánh số theo thứ tự từ 1 đến 25, “khách sạn” số 1, nơi được dân du lịch “phong tặng” danh hiệu “khách sạn 4 sao”. Đối với các hộ gia đình trong bản, du lịch là một trong những nguồn thu chính.

Nhà sàn ở bản Lác được dát bằng tre, rộng, cao ráo, sạch sẽ và giữ được truyền thống kiến trúc cổ, bên trong có đầy đủ chăn, đệm, gối được gấp ngăn nắp, gọn gàng. Sát cạnh sàn ngủ - nghỉ là sàn ngồi để ăn cơm và uống trà. Ghé thăm bản Lác, du khách không thể bỏ qua những món ăn đặc sản như gà bản, xiên thịt rừng nướng, nếp Mai Châu, bát canh

rau rừng cùng chai rượu Mai Hạ...

Buổi tối du khách được đắm mình trong men rượu cần và thưởng thức những tiết mục ca nhạc đặc sắc của dân tộc Thái ngay trên nhà sàn hoặc ngoài sân của bản do thanh niên nam, nữ trong bản biểu diễn.

4.2. Bản Áng (Sơn La)

Nằm trên cao nguyên Mộc Châu (huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La), bản Áng không chỉ có khí hậu trong lành, mát mẻ; cảnh sắc thơ mộng, hữu tình mà còn lưu giữ kho tàng văn hóa đặc sắc của dân tộc Thái.

Từ thị trấn nông trường Mộc Châu, du khách đi theo quốc lộ 43 khoảng 2km về phía Nam sẽ đến bản Áng. Nhìn từ trên cao, bản Áng đẹp như một bức tranh thủy mặc với những nếp nhà sàn truyền thống nằm thấp thoáng, ẩn hiện dưới bạt ngàn tán lá xanh tươi. Cạnh bản là hồ nước tự nhiên có diện tích 5ha được bao quanh bởi rừng thông xanh trồng trên những đồi đất feralit nâu đỏ. Khung cảnh cao nguyên Mộc Châu, với những đồi chè, đồng cỏ xanh mướt, hoa ban, hoa mơ, hoa mận nở trắng rừng đã tô điểm cho vẻ đẹp bản Áng thêm lung linh, thơ mộng. Tuy nằm giáp thị trấn nông trường Mộc Châu nhưng cư dân bản Áng vẫn bảo tồn nguyên vẹn bản sắc văn hóa dân tộc đặc thù như kiến trúc nhà sàn truyền thống, trang phục, những làn điệu dân ca cổ, những lễ hội đặc trưng (lễ hội “Hết Chá”, lễ mừng cơm mới)... [8]

Những năm qua, nhằm phát triển du lịch bền vững gắn với bảo tồn và phát huy nét đẹp thiên nhiên, văn hóa ở Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã đầu tư, khai thác

loại hình du lịch cộng đồng tại một số bản dân tộc, trong đó có bản Áng. Với cảnh đẹp thiên nhiên mang đậm sắc màu Tây Bắc cùng nét văn hóa độc đáo của dân tộc Thái, bản Áng đã trở thành điểm đến hấp dẫn đông khách du lịch trong nước và quốc tế, góp phần không nhỏ vào việc nâng cao đời sống cho dân bản, đồng thời bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, trong đó phải kể đến nghề dệt, thêu thổ cẩm. Hiện nay, các sản phẩm thổ cẩm (khăn piêu, áo cóm, túi xách, khăn trải bàn...) do dân bản làm ra với mẫu mã đa dạng, hoa văn tinh tế đang từng bước tạo được thương hiệu riêng.

4.3. Bản Him Lam 2 (Điện Biên)

Bản du lịch cộng đồng Him Lam 2 thuộc phường Him Lam, thành phố Điện Biên Phủ, là bản có truyền thống dân tộc Thái từ lâu đời với những phong tục tập quán rất riêng mang đậm sắc màu Tây Bắc.

Bản Him Lam 2 nằm ở cửa ngõ của thành phố, dân cư chiếm phần đa (98%) là dân tộc Thái (chủ yếu là người Thái đen), do đó bản mang dấu ấn của dân tộc Thái một cách sâu sắc. Với vị trí khá đặc biệt, nằm trong khu di tích chiến thắng Điện Biên Phủ và ngày đêm soi bóng xuống dòng Nậm Rốm xinh đẹp, năm 2004, bản Him Lam 2 đã là 1 trong 8 bản được tỉnh Điện Biên lựa chọn để thí điểm đầu tư xây dựng thành bản văn hóa, du lịch. Đến nay, bản Him Lam 2 đã trở thành điểm du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn với đầy đủ hệ thống cơ sở hạ tầng và phương tiện thiết yếu nhưng vẫn không làm mất đi nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc Thái đen. [10]

Trong những năm gần đây, nhằm góp phần bảo tồn nền văn hóa truyền thống, đặc biệt là bảo tồn dân ca, dân vũ đồng thời phát huy giá trị của văn hóa trong phát triển du lịch cộng đồng, bản đã thành lập các đội văn nghệ cũng như tiến hành tổ chức cho các nghệ nhân biểu diễn, truyền dạy các loại hình nghệ thuật dân gian. Các đội văn nghệ, các nghệ nhân luôn sẵn sàng phục vụ, giao lưu văn hóa với du khách ngay tại bản với nhiều hình thức biểu diễn phong phú như thổi Pí pặp, hát dân ca Thái, múa xòe...

Bên cạnh đó, bản du lịch cộng đồng Him Lam 2 vẫn còn lưu giữ và tổ chức thường xuyên các lễ hội dân tộc truyền thống của mình như hội Hạng Khuống, lễ mừng cơm mới, ngày hội đoàn kết toàn dân và các ngày lễ, tết âm lịch hàng năm. Các ngày lễ, hội thường được tổ chức tại nhà văn hóa của bản và diễn ra rất sôi nổi, được nhân dân trong bản hưởng ứng, tham gia nhiệt tình.

Đến với bản Him Lam 2, du khách không những được giao lưu văn nghệ, nghe hát dân ca Thái, chơi những trò chơi dân gian và dạo quanh bản ngắm nhìn những nếp nhà sàn duyên dáng hòa cùng với dòng sông Nậm Rốm mà du khách còn được thưởng thức các món ăn dân tộc do chính bàn tay của những đầu bếp là những người con sinh ra và lớn lên tại bản chế biến phục vụ du khách. Tất cả những nét đẹp đó đã tạo nên một bức tranh đẹp, đậm đà sắc thái dân tộc vùng cao của một bản du lịch cộng đồng và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng du khách.

4.4. Bản Vàng Pheo (Lai Châu)

Hiện nay trên địa bàn Lai Châu có 4

điểm du lịch cộng đồng được tỉnh công nhận đó là bản Nà Luông, bản Hon (huyện Tam Đường), bản Gia Khâu I (thị xã Lai Châu) và bản Vàng Pheo (huyện Phong Thổ). Đây được xem là những “hạt nhân” quan trọng để phát triển du lịch cộng đồng ở Lai Châu, đem lại lợi ích kinh tế cho người dân bản địa, làm phong phú thêm sản phẩm du lịch Tây Bắc.

Nằm cách trung tâm thị xã Lai Châu khoảng 30km, bản Vàng Pheo được nhắc đến như “thung lũng mĩ nhân”, một trong những bản cổ xưa nhất của người Thái trắng ở Lai Châu (90 hộ với hơn 400 nhân khẩu). Mang trong mình những nét văn hóa đặc trưng, với cảnh sắc thiên nhiên tươi đẹp và thơ mộng, bản Vàng Pheo hội tụ nhiều điều kiện để phát triển du lịch cộng đồng. [9]

Theo quan niệm của người Thái trắng ở Tây Bắc, nhà sàn phải được dựng theo tiêu chí “sơn châu thủy tụ” (lung tựa vào đồi, núi; mặt hướng ra sông, suối hoặc cánh đồng). Nhà được làm bằng gỗ tốt, tre hoặc hóp với bốn mái thẳng gấp góc được lợp bằng cỏ gianh, bao gồm hai tầng. Tầng trên dành cho các sinh hoạt của gia đình chủ nhà và để tiếp khách, tầng dưới là nơi để các nông cụ sản xuất, gỗ, củi... Hiện nay, dân bản đã xây thêm một ngôi nhà sàn văn hóa phục vụ các sinh hoạt cộng đồng. Đây là ngôi nhà có kiến trúc giống nhà sàn truyền thống nhưng mái nhà lợp ngói, gỗ làm nhà có màu sáng hơn.

Cho đến nay, người Thái trắng ở đây còn gìn giữ nguyên vẹn nhiều lễ hội văn hóa đặc trưng, hình thành nên tập

quán riêng trong đời sống sinh hoạt cũng như lao động sản xuất hàng ngày của họ. Mỗi lễ hội là một bức tranh miêu tả đời sống xã hội của đồng bào Thái trắng xứ Mường So, tiêu biểu như: lễ hội Nàng Han (15/2 âm lịch), lễ hội Then Kin Pang (10/3 âm lịch), lễ hội Kin Lầu Khẩu Mầu (15/9 âm lịch)... Trong các lễ hội, ngoài các nghi lễ truyền thống, còn có nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ, trò chơi dân gian mang đậm bản sắc văn hóa của người Thái trắng được tổ chức như: múa quạt; múa xòe; trò chơi tó má lẹ, ném còn, đẩy gậy, tù lu, đánh yến, bắt cá suối...

Với những tiềm năng sẵn có, Vàng Pheo hiện đang là một điểm thu hút khách du lịch. Du khách đến Vàng Pheo thường tập trung vào hai ngày cuối tuần và đông hơn là vào mùa lễ hội, sau tết Nguyên Đán. Đến Vàng Pheo du khách có thể tham quan, nghỉ đêm tại nhà sàn của người Thái trắng, cùng làm những công việc hàng ngày của người dân địa phương hay tham gia các sinh hoạt văn hóa cộng đồng.

Trong Quy hoạch phát triển Du lịch Lai Châu đến 2015 tầm nhìn 2020, Vàng Pheo trở thành một điểm đến du lịch cộng đồng trọng điểm của Lai Châu và Vùng Tây Bắc. Phát triển du lịch chắc chắn sẽ đem lại lợi ích chung về văn hóa xã hội và môi trường cho toàn dân bản.

5. Kết luận

Văn hóa là bản sắc riêng của mỗi cộng đồng dân cư. Hoạt động du lịch, đặc biệt là hình thức du lịch cộng đồng có vai trò quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống

của địa phương. Nhờ du lịch, người dân nhận thấy những giá trị văn hóa cốt lõi mang bản sắc quê hương không chỉ là niềm tự hào mà còn mang lại nguồn thu nhập khá lớn cho gia đình và địa phương nơi mình sinh sống. Do vậy, người dân sẽ ý thức sâu sắc hơn trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống bản địa như: nếp sống, sinh hoạt văn nghệ, ẩm thực, trang phục truyền thống... Bên cạnh đó, các mối quan hệ giữa những người dân địa phương với nhau và với khách du lịch không những được duy trì ổn định mà còn trở nên thân thiện hơn, gắn bó chặt chẽ với nhau hơn để xây dựng môi trường sống lành mạnh, xanh, sạch.

Với bức tranh tộc người đa dạng,

Tây Bắc có thể mạnh trong việc khai thác các giá trị văn hóa dân tộc để phục vụ mục đích phát triển du lịch cộng đồng, trong đó, bản sắc văn hóa tộc người Thái giữ vai trò quan trọng. Để đẩy mạnh phát triển du lịch ở các làng bản người dân tộc Thái ở Tây Bắc đạt hiệu quả cao và bền vững, đồng thời giữ gìn và phát huy được các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp như: nâng cao chất lượng nguồn nhân lực du lịch, gia tăng chất lượng dịch vụ du lịch, quảng bá hình ảnh du lịch, xúc tiến du lịch văn hóa cộng đồng tạo điều kiện cho du khách khám phá bản sắc văn hóa phong phú, độc đáo, đặc sắc của vùng Tây Bắc nói chung và của các làng bản dân tộc Thái nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thành Duy (2006), *Bản sắc dân tộc và hiện đại hóa văn hóa Việt Nam, mấy vấn đề lí luận và thực tiễn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Phùng Quỳnh (2012), “Một số ý kiến về kinh tế, văn hóa, xã hội ruyền thống và hiện đại của cộng đồng dân tộc Thái Vùng Tây Bắc”, Kì yếu *Hội thảo Cộng đồng các tộc người ngữ hệ Thái – Kadai ở Việt Nam: Truyền thống, hội nhập và phát triển* (Hội nghị Thái học toàn quốc lần thứ VI), Nxb Thế giới.
3. Trần Quốc Vượng (chủ biên) (1998), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
4. Ngô Đức Thịnh (2006), *Văn hóa, văn hóa tộc người và văn hóa Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội.
5. Lê Thông (chủ biên) (2009), *Địa lí các vùng kinh tế Việt Nam*, Nxb Giáo dục.
6. Tổng cục thống kê (2010), *Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 - Các kết quả chủ yếu*, Nxb Thống kê.
7. <http://www.dulichtaybac.vn>
8. <http://www.sonla.gov.vn>
9. <http://www.laichau.gov.vn>
10. <http://www.dienbien.gov.vn>
11. <http://www.hoabinh.gov.vn>

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 22-01-2014; ngày phân biện đánh giá: 17-02-2014;
ngày chấp nhận đăng: 18-7-2014)